

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2025

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
DỰ TOÁN NSNN QUÝ II/2025**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt giao dự toán nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 1427/QĐ-BKHCN ngày 23/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia trong năm 2025 được giao ngân sách như sau:

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ (triệu đồng)
A	Số thu, chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác	
1	Số thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác	0
	Thu từ các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác	0
	Chi từ nguồn thu các hoạt động dịch vụ khác theo quy	0

	định của pháp luật	
B	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	5.730
I	Sự nghiệp khoa học và Công nghệ (Loại 100 – Khoản 101)	4.730
1	Chi hoạt động thường xuyên	3.741
2	Quỹ thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	209
3	Đề tài nghiên cứu khoa học	780
	Thực hiện Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ	780
II	Sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160 - Khoản 171)	1.000
1	Chi không thường xuyên	1.000
1.1	Triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020	600
1.2	Triển khai chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số theo Quyết định 411/QĐ-TT ngày 31/3/2022: -Tổ chức hội đồng đánh giá nền tảng	150
1.3	Thực hiện chiến lược chuyển đổi số báo chí theo Quyết định 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023: -Nghiên cứu xu hướng của thế giới về phát triển ứng dụng công nghệ AI trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam	250

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ II/2025

1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: Viện đã thực hiện giải ngân 987 triệu đồng chiếm 26% tổng kinh phí được cấp.

- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: Viện chưa thực hiện giải ngân.

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: Viện chưa thực hiện giải ngân.

Tính đến hết Quý II, Viện thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ 987 triệu đồng chiếm 21% tổng kinh phí được cấp.

2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

Tính đến hết Quý II, Viện chưa thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin.

Như vậy, tính đến hết Quý II, Viện đã thực hiện giải ngân nguồn NSNN cấp trong năm 2025 đạt 17% trong tổng số kinh phí đã được cấp.

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



★ **Chu Minh Hoan**

HN, ngày 07 tháng 07 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 23 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực Hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				

B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.730	987	17%	93,73%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.730	987	21%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	780	0	0%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	780	0	0%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	3.741	987	26%	
2.3	Quỹ thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	209	0	0%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.000	0	0%	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.000	0	0%	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 4 tháng 7 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



★ Chu Minh Hoan